

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình số: 06/TB-TA, ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Minh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Minh Đ kết hôn từ năm 2008, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, chị và anh Đ có được tự do tìm hiểu, yêu thương, không bị ai ép buộc, hai người quyết định kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị

chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị có mâu thuẫn với chị dâu, anh Đ không thông cảm thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, anh còn xúc phạm cả bên gia đình chị. Từ năm 2018, chị đi làm công nhân ở khu công nghiệp Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Từ tháng 04/2021 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Chơn và anh Đại có 02 con chung là Nông Đức N, sinh ngày 22/12/2012 và Nông Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2015. Hiện nay, hai con đang ở cùng với anh Đ, chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc hai con hàng ngày là do anh Đ chu cấp, còn tiền sách vở của cháu N, tiền quần áo từ đầu năm học của hai con là do chị bỏ tiền ra mua. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm việc tại Công ty TNHH L tại Bắc Giang, thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng – 12.000.000 đồng, đảm bảo đủ các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ đã tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nông Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị C kết hôn từ năm 2008, có được tự do tìm hiểu, yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh sống chung với mẹ đẻ anh và vợ chồng anh trai anh, quá trình chung sống chị C đã xảy ra xích mích với chị dâu. Sau đó, vợ chồng anh chị đã chuyển ra ở riêng, không có việc anh đánh đập chị C. Từ năm 2018, chị C bắt đầu đi làm công ty ở Bắc Giang. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay, chị C chuyển về sống ở nhà bố mẹ đẻ, đến tháng 07/2021 anh phát hiện chị C có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay, chị C xin ly hôn với anh, anh không đồng ý do vẫn còn tình cảm với chị. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh thay đổi, anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Chơn và anh Đ có 02 con chung là Nông Đức N, sinh ngày 22/12/2012 và Nông Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2015. Hiện nay, hai con đang ở cùng với anh Đ, học tiểu học tại Trường Tiểu học xã H, chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc hai con hàng ngày là do anh chu cấp, tiền sách vở, quần áo từ đầu năm học của cháu N là do chị C bỏ tiền ra mua, tiền quần áo, sách vở từ đầu năm của cháu N là do anh bỏ tiền ra. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con, yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh làm công việc làm vườn ở nhà, thỉnh thoảng có đi làm phụ xây, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, đảm bảo đủ điều kiện tốt để nuôi dạy các con. Tại phiên tòa, anh Đ thay đổi yêu cầu, anh xin được nuôi cả

hai con, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con, do từ khi ly thân đến nay, chị C không hề quan tâm, chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã tiến hành xác minh về thu nhập bình quân đầu người trên tháng tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, kết quả, đối với thu nhập bình quân một ngày của người làm công việc phụ hồ dao động từ 250.000 đồng – 300.000 đồng, đối với người làm lao động tự do tại địa bàn xã khoảng 300.000 đồng/ngày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C với anh Nông Minh Đ.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Nông Đức N, sinh ngày 22/12/2012 và Nông Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2015 cho anh Nông Minh Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết,

- Về án phí: Tòa án giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Trần Thị C và anh Nông Minh Đ, chị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của chị C không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Trần Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nông Minh Đ có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Nông Minh Đ, đăng ký kết hôn ngày 05/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên cuộc hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị C cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau, từ tháng 4/2021 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh Đ cho rằng chị C có quan hệ ngoại tình với người khác, anh vẫn tha thứ và còn tình cảm với chị C nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, tại phiên tòa, anh thay đổi ý kiến, anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị C nữa, chị C xin ly hôn với anh, anh đồng ý. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, mâu thuẫn giữa chị C, anh Đ đã trầm trọng, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu anh Đ và chị C quay về đoàn tụ chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn với chị C, việc đồng ý của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện nhưng do nguyên đơn chị C vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị C và anh Nông Minh Đ có 02 con chung là Nông Đức N, sinh ngày 22/12/2012 và Nông Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2015. Hiện nay, hai con đang ở cùng với anh Đ, khi ly hôn cả anh Đ và chị C đều xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị C và anh Đ đều có công việc, có thu nhập, chị C làm việc tại Công ty Luxshare ở Bắc Giang lương tháng trung bình từ 7.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, anh Đ làm lao động tự do và có đi phụ xây thêm, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, anh Đ là lao động tự do thu nhập hàng ngày khoảng 300.000 đồng, đối với công việc làm phụ xây, thu nhập mỗi ngày khoảng từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng. Do đó, cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi các con. Tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung, cháu Nông Đức N có nguyện vọng muốn được ở với bố, vì bố yêu thương, quan tâm cháu nhiều hơn. Thấy rằng, từ khi ly thân cho đến nay, anh Đ một mình nuôi cả hai con, anh vẫn đảm bảo cho các con đủ điều kiện được ăn học đầy đủ, chị C cũng trình bày chị được bỏ tiền mua sách, vở, quần áo cho cháu N từ đầu năm, không phụ giúp thêm gì cho anh Đ nuôi con, các chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày là đều do anh Đ bỏ tiền ra. Hơn nữa, chị C đang làm việc tại Công ty L ở Bắc Giang, việc đi lại để chăm sóc các con sẽ không thuận tiện như anh Đ, từ khi ly thân đến nay, các con chung vẫn được anh Đ chăm sóc, nuôi dạy đảm bảo tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định, giao con chung là Nông Đức N và Nông Thị Yến N cho anh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi

là phù hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, khoản 1 khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C - Xử cho nguyên đơn chị Trần Thị C được ly hôn với bị đơn anh Nông Minh Đ.

2. Về con chung:

Giao con chung là Nông Đức N, sinh ngày 22/12/2012 và Nông Thị Yến N, sinh ngày 08/5/2015 cho anh Nông Minh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Trần Thị C đã nộp 300.000 đồng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004042 ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Hòa Sơn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết